



# CHƯƠNG VII

---

**Kế toán nghiệp vụ mua hàng trong nước và xuất khẩu hàng hoá**



# Mục tiêu chương

---

- Giúp sinh viên hình dung được quá trình mua hàng trong nước và xuất khẩu hàng hoá; các nghiệp vụ kế toán cần thiết để ghi chép lại quá trình đó.
- Giới thiệu một số vấn đề nổi bật có liên quan đến hoạt động thương mại trong nước cũng như xuất khẩu như việc kế toán ngoại tệ, thuế giá trị gia tăng.
- Hướng dẫn cụ thể việc thực hiện ghi sổ và định khoản kế toán các nghiệp vụ mua hàng trong nước và xuất khẩu hàng hoá.



# Tóm tắt nội dung

---

## 1. Những vấn đề chung về kế toán nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu

- Đặc điểm của hoạt động kinh doanh XNK
- Nhiệm vụ của kế toán trong doanh nghiệp ngoại thương
- Nguyên tắc kế toán ngoại tệ
- Kế toán thuế GTGT.
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho

## 1. Kế toán nghiệp vụ mua hàng xuất khẩu

## 2. Kế toán nghiệp vụ xuất khẩu hàng hoá



# 1. Đặc điểm kinh doanh XNK

---

## 1.1 Đặc điểm về phương thức xuất - nhập khẩu hàng hóa

- Xuất nhập khẩu theo nghị định thư.
- Xuất nhập khẩu tự cân đối: ngoài nghị định thư.

Cả hai phương thức xuất nhập khẩu trên có thể được thực hiện theo các hình thức sau:

- Thu mua hàng trong nước và XK hàng hoá.
- NK hàng hoá và tiêu thụ hàng nhập khẩu.



# 1. Đặc điểm kinh doanh XNK

---

1.2 Lưu chuyển hàng hoá theo một chu kỳ khép kín bao gồm hai giai đoạn:

- Thu mua hàng trong nước và xuất khẩu hàng hoá.
- Nhập khẩu hàng hoá và tiêu thụ hàng nhập khẩu.



# 1. Đặc điểm kinh doanh xuất nhập khẩu

---

1.3 Giá cả trong ngoại thương đều gắn liền với một điều kiện giao hàng có liên quan đến giá đó

- CIF
- FOB



# 1. Đặc điểm kinh doanh xuất nhập khẩu

---

- 1.4. Phương thức thanh toán phù hợp với thông lệ quốc tế, tập quán của mỗi nước cũng như từng hợp đồng ngoại thương
- Phương thức chuyển tiền (Remittance)
  - Phương thức nhờ thu (collection of payment)
  - Phương thức tín dụng chứng từ (letter of credit - L/C)
  - Phương thức mở tài khoản (open an account)



## 2. Nhiệm vụ của kế toán trong các doanh nghiệp ngoại thương

---

- Phản ánh và kiểm tra tình hình ký kết, thực hiện hợp đồng xuất nhập khẩu.
- Kiểm tra, quản lý hàng hoá xuất nhập khẩu về cả số lượng và giá trị.
- Tổ chức kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết để tính toán chính xác hiệu quả kinh doanh XNK.





# 3. Nguyên tắc kế toán ngoại tệ

---

## Cơ sở pháp lý:

- Thông tư 44TC/TCDN ngày 7/7/1997.
- Chuẩn mực kế toán số 10 – ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và các thông tư hướng dẫn chuẩn mực.
  - Điều chỉnh kế toán các giao dịch bằng ngoại tệ.
  - Điều chỉnh việc chuyển đổi báo cáo tài chính nước ngoài để hợp nhất báo cáo.



## 3. Nguyên tắc kế toán ngoại tệ

---

### Một số khái niệm liên quan:

- **Giao dịch bằng ngoại tệ:** giao dịch được xác định bằng ngoại tệ hoặc thanh toán bằng ngoại tệ
- **Các khoản mục tiền tệ:** tiền, tương đương tiền, phải thu hoặc phải trả bằng tiền.
- **Các khoản mục phi tiền tệ:** Các khoản mục không phải là khoản mục tiền tệ.
- **Tỷ giá hối đoái ngày giao dịch:** Tỷ giá giao ngay, tỷ giá trung bình tuần hoặc tháng trong trường hợp tỷ giá tương đối ổn định.
- **Tỷ giá cuối kỳ:** Tỷ giá hối đoái vào ngày lập báo cáo tài chính.



# Nguyên tắc kế toán ngoại tệ

---

## Nội dung các nguyên tắc: (theo VAS)

- **Sử dụng Đồng Việt nam làm đơn vị tiền tệ kế toán, trừ trường hợp được phép sử dụng đơn vị tiền tệ khác (theo quyết định của BTC)**
- **Các giao dịch bằng ngoại tệ phải được hạch toán theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch. (tỷ giá thực tế hoặc tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng nhà nước công bố hàng ngày)**
- **Đồng thời với việc ghi kép, Kế toán phải ghi đơn TK 007 – Ngoại tệ các loại khi có phát sinh nghiệp vụ thu, chi ngoại tệ.**



### 3. Nguyên tắc kế toán ngoại tệ (tiếp)

---

#### Nội dung các nguyên tắc: (theo CM 10)

- *Đối với Tài khoản thuộc loại doanh thu, hàng tồn kho, TSCĐ, chi phí sản xuất, kinh doanh, chi phí khác, bên Nợ các Tài khoản vốn bằng tiền: sử dụng tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh. (TGTT)*



### 3. Nguyên tắc kế toán ngoại tệ (tiếp)

---

#### Nội dung các nguyên tắc:

- **Đối với bên Có của các Tài khoản vốn bằng tiền:** sử dụng tỷ giá ghi trên sổ kế toán (tỷ giá bình quân gia quyền; tỷ giá nhập trước, xuất trước...).

(TGHT)



## 3. Nguyên tắc kế toán ngoại tệ (tiếp)

---

### c. Nội dung các nguyên tắc: (theo VAS)

- *Đối với bên Có của các Tài khoản nợ phải trả, hoặc bên Nợ của các Tài khoản nợ phải thu: sử dụng tỷ giá giao dịch;*
- *Đối với bên Nợ của các Tài khoản nợ phải trả, hoặc bên Có của các Tài khoản nợ phải thu, khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế bằng ngoại tệ phải được ghi sổ kế toán bằng Đồng Việt Nam, hoặc bằng đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỷ giá ghi trên sổ kế toán*



### 3. Nguyên tắc kế toán ngoại tệ (tiếp)

---

#### c. Nội dung các nguyên tắc: (theo VAS)

***Cuối năm tài chính, doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập Bảng CĐKT cuối năm tài chính.***



# Nguyên tắc kế toán ngoại tệ

---

## b. Nội dung các nguyên tắc:

- **Xử lý chênh lệch tỷ giá trong giao dịch:**
  - **Đối với doanh nghiệp mới thành lập:** Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình xây dựng, hình thành TSCĐ được treo trên TK 413 và phân bổ tối đa 5 năm sau khi TSCĐ đó được đưa vào hoạt động.
  - **Đối với trường hợp khác:** Chênh lệch tỷ giá được tính ngay vào chi phí/thu nhập hoạt động tài chính.





# Nguyên tắc kế toán ngoại tệ

---

## b. Nội dung các nguyên tắc:

- Tại ngày lập Bảng cân đối kế toán cuối kỳ :
  - Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phải được đánh giá lại và báo cáo theo tỷ giá hối đoái cuối kỳ;
  - Chênh lệch tỷ giá được tính ngay vào chi phí/thu nhập hoạt động tài chính.
  - Các khoản mục phi tiền tệ được báo cáo theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.



## 4. Thuế giá trị gia tăng

---

### Khái niệm:

- **Giá trị gia tăng:** Giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng
- **Thuế giá trị gia tăng:** Thuế tính trên giá trị tăng thêm. Đảm bảo không đánh thuế 2 lần đối với cùng một khoản thu nhập.



## 4. Thuế giá trị gia tăng

---

### b. Cơ sở pháp lý

- Luật thuế GTGT ngày 10/5/1997, có hiệu lực 1/1/1999.
- Luật sửa đổi luật thuế GTGT 17/6/2003.
- Nghị định 79/2000/NĐ-CP ngày 29/12/2000, nghị định 76/2002/NĐ-CP ngày 13/9/2002.
- Thông tư 122/2000/TT-BTC ngày 29/12/2000, thông tư 82/2002/TT-BTC ngày 18/9/2002.



# 4. Thuế giá trị gia tăng

---

## c. Nội dung các quy định về thuế GTGT

- **Đối tượng chịu thuế:** Hàng hoá, dịch vụ dùng cho SX, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt nam, trừ những đối tượng không chịu thuế bao gồm:
  - Sản phẩm nông nghiệp chưa qua chế biến của người trực tiếp sản xuất.
  - Thiết bị máy móc chuyên dùng mà trong nước chưa sản xuất được.
  - Các hoạt động không nhằm mục đích kinh doanh: bảo hiểm, y tế, dạy nghề, phát hành sách báo mang tính tuyên truyền, phổ cập giáo dục, dịch vụ công cộng.
  - Hàng nhập khẩu là: viện trợ nhân đạo, hành lý cá nhân, quà tặng, hàng quá cảnh v.v.



# 4. Thuế giá trị gia tăng

---

## c. Nội dung các quy định về thuế GTGT

### ■ **Đối tượng nộp thuế:**

- Các tổ chức, cá nhân có sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT.
- Các tổ chức cá nhân có nhập khẩu hàng hoá chịu thuế GTGT.

### ■ **Căn cứ tính thuế:**

- Giá tính thuế:
- Thuế suất:



## 4. Thuế giá trị gia tăng

---

### ■ **Giá tính thuế:**

- Đối với hàng hoá, dịch vụ là **giá bán chưa có thuế GTGT.**
- Đối với hàng NK là **giá NK tại cửa khẩu + thuế nhập khẩu.**
- Đối với hàng bán trả góp là giá tính theo giá bán trả 1 lần.
- Đối với hoạt động cho thuê TS là tiền thuê từng kỳ.

### ■ **Thuế suất:** 3 mức thuế suất

- 0% đối với hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu
- 5% đối với hàng hoá, dịch vụ thiết yếu/cần hỗ trợ, khuyến khích.
- 10% đối với tất cả các hàng hoá, dịch vụ khác (mức thuế suất phổ biến nhất).



## 4. Thuế giá trị gia tăng

---

### d. Phương pháp tính thuế

- **Phương pháp khấu trừ:** Sử dụng chủ yếu

Thuế GTGT phải nộp = Thuế GTGT đầu ra - Thuế GTGT đầu vào

Thuế GTGT đầu ra =

Giá tính thuế của HH, DV bán ra x Thuế suất

Thuế GTGT đầu vào =

Tổng thuế GTGT ghi trên hoá đơn của người bán.

- **Phương pháp trực tiếp:**

Thuế GTGT phải nộp = GTGT x thuế suất

GTGT = Giá thanh toán của HH, DV bán ra

– Giá thanh toán của HH, DV mua vào tương ứng



## 4. Thuế giá trị gia tăng

---

e. Nguyên tắc khấu trừ:

- **Khấu trừ toàn bộ thuế đầu vào của hh, dv dùng SX, KD hh, dv chịu thuế GTGT.**
- **Thuế GTGT đầu vào phát sinh trong tháng nào được khấu trừ khi XD thuế GTGT phải nộp của tháng đó.**
- **Chỉ tính khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với hh, dv mua vào để SX, KD hh, dv chịu thuế GTGT. Nếu dùng để sản xuất, kinh doanh cả hàng hoá không chịu thuế GTGT thì phải tiến hành phân bổ thuế GTGT đầu vào, thông thường theo tỷ lệ giữa doanh số của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT và tổng doanh số bán ra.**





## 4. Thuế giá trị gia tăng

---

e. Nguyên tắc khấu trừ:

- **Đối với hoá đơn đặc thù:**

$$\text{Thuế GTGT} = \frac{Gi, \text{ thanh toán}, n}{1 + \% \text{ thuế GTGT}} \times \text{thuế GTGT}$$

- **Số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ sẽ được tính vào giá vốn của hàng hoá bán ra trong kỳ.**
- **Trường hợp hoá đơn không ghi Mã Số thuế người mua, người bán hoặc mua của người bán nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào.**



# 4. Thuế giá trị gia tăng

---

## f. Kế toán thuế GTGT (pp khấu trừ)

- **Chứng từ kế toán:**
  - **Đầu vào:** Hoá đơn GTGT do người bán xuất có ghi đầy đủ thông tin về người bán, người mua (kể cả mã số thuế), giá bán chưa thuế, thuế GTGT và tổng giá thanh toán.
  - **Đầu ra:** Hoá đơn GTGT xuất cho người bán.
- **Tài khoản sử dụng:**
  - Tài khoản 133 – Thuế GTGT được khấu trừ
  - Tài khoản 3331 – Thuế GTGT phải nộp.

# Phương pháp khấu trừ TK sử dụng.

## TK 133

Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

- Thuế GTGT đầu vào đã được khấu trừ
- Kết chuyển VAT đầu vào không được khấu trừ
- VAT đầu vào được hoàn lại

VAT đầu vào còn được khấu trừ, hoàn lại

## TK 3331

- VAT đầu vào đã được khấu trừ
- VAT đã nộp ngân sách, VAT của hàng bị trả lại

- VAT đầu ra phải nộp
- VAT của hàng nhập khẩu

VAT còn phải nộp đến cuối kỳ



## 4. Thuế giá trị gia tăng

---

f. Kế toán thuế GTGT (pp khấu trừ)

■ Ví dụ minh họa:

**02/01:** Mua hàng, Giá bán chưa thuế: 200 tr, Thuế GTGT 10%. Hàng đã về nhập kho, chưa trả tiền người bán

**05/01:** Mua NVL để sản xuất hàng B thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, Giá mua chưa thuế: 150tr, thuế GTGT 10%, Hàng đang đi trên đường, công ty đã thanh toán cho người bán bằng tiền gửi ngân hàng

**12/01:** Ký HĐ nhập khẩu hàng hoá với công ty X của HongKong để nhập khẩu hàng dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh chịu thuế GTGT.



## 4. Thuế giá trị gia tăng

---

f. Kế toán thuế GTGT (pp khấu trừ)

■ Ví dụ minh họa:

**25/01: Hàng về đến cảng. Giá mua nhập khẩu: 40.000USD, thuế NK: 20%, thuế GTGT 10% đã được nộp bằng chuyển khoản. Công ty chưa trả tiền người bán.**

**26/01: Nhập khẩu NVL dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh không thuộc diện chịu thuế GTGT Giá mua NK: 10.000 USD Thuế NK 15%, thuế GTGT 10%, đã nộp bằng chuyển khoản. Công ty đã trả tiền cho người bán bằng tiền gửi ngân hàng.**

**Yêu cầu: Tính số thuế GTGT được khấu trừ vào thời điểm cuối tháng.**



## 6. Kế toán thu mua hàng hoá XK

---

a.

### Đặc điểm, phương thức

- **Đặc điểm:** Mua hàng để sau đó xuất ra nước ngoài với giá cao hơn. Là quá trình vận động chuyển từ hình thái vốn tiền tệ sang vốn hàng hoá.
- **Các phương thức thu mua:**
  - Thu gom hàng XK
  - Mua hàng trực tiếp từ cơ sở SX, trung gian có hoá đơn.
  - Đặt hàng.
  - Gia công hàng XK (không học)

## b, Tính giá hàng hoá mua vào:

Giá nhập kho của vật tư, hàng hoá

Giá mua

Chi phí thu mua

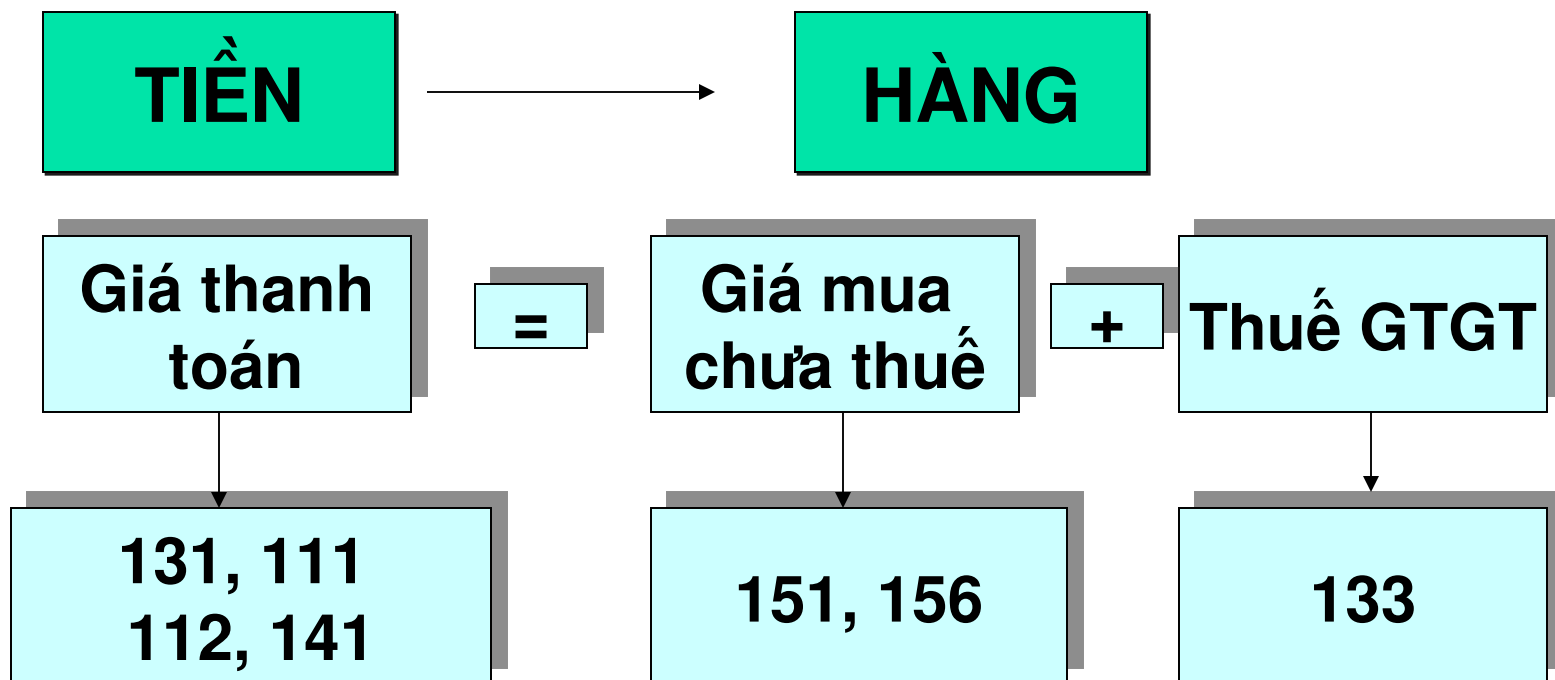
+ Giá hoá đơn  
- Giảm giá (trừ chiết khấu thanh toán  
+ Thuế nhập khẩu  
+ Thuế GTGT (khi được tính vào giá hàng)

+ Chi phí vận chuyển, bốc dỡ  
+ Chi phí kho hàng, bến bãi  
+ Chi phí bộ phận thu mua  
+ Hao hụt trong định mức



# Tài khoản sử dụng

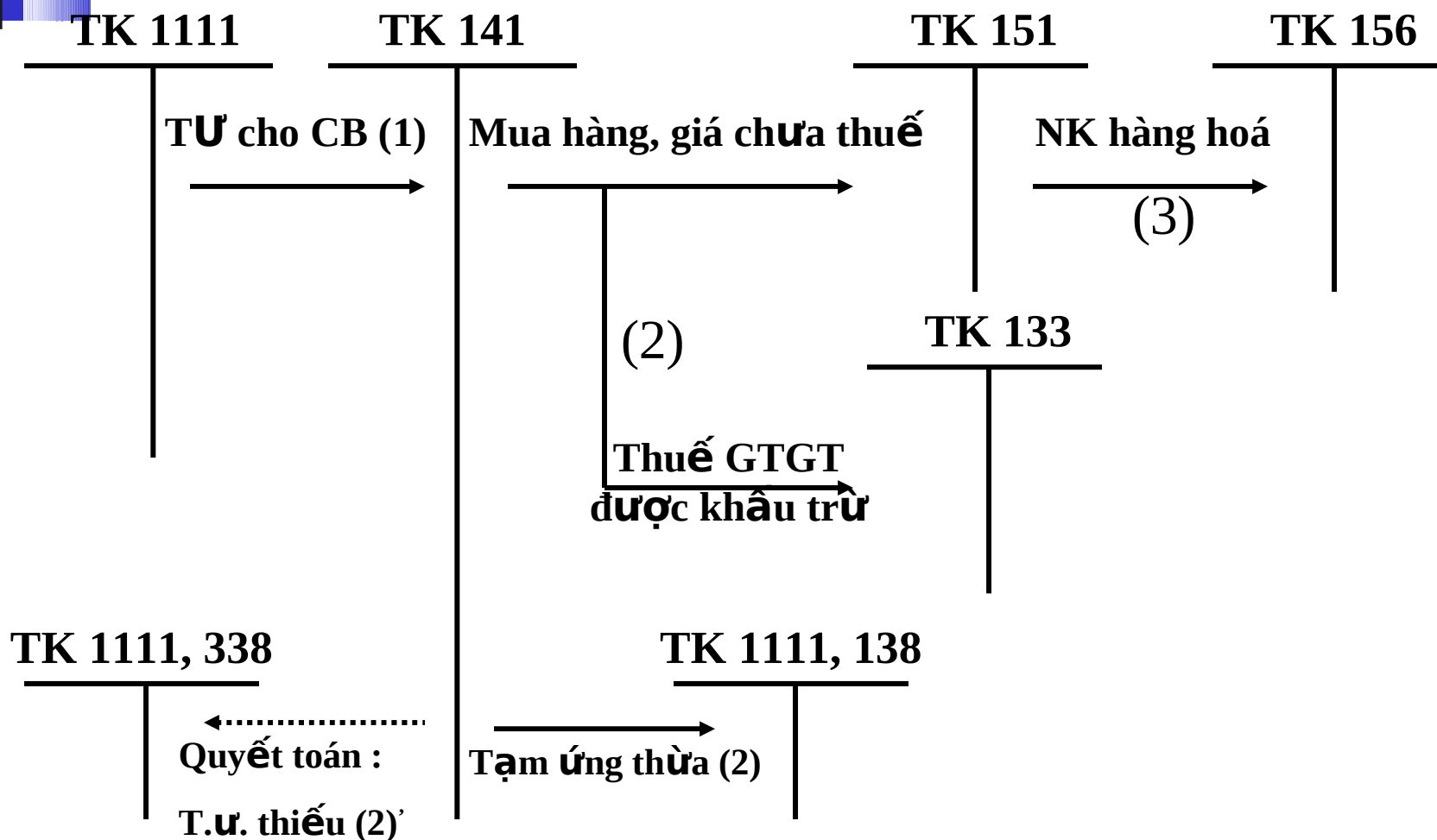
---





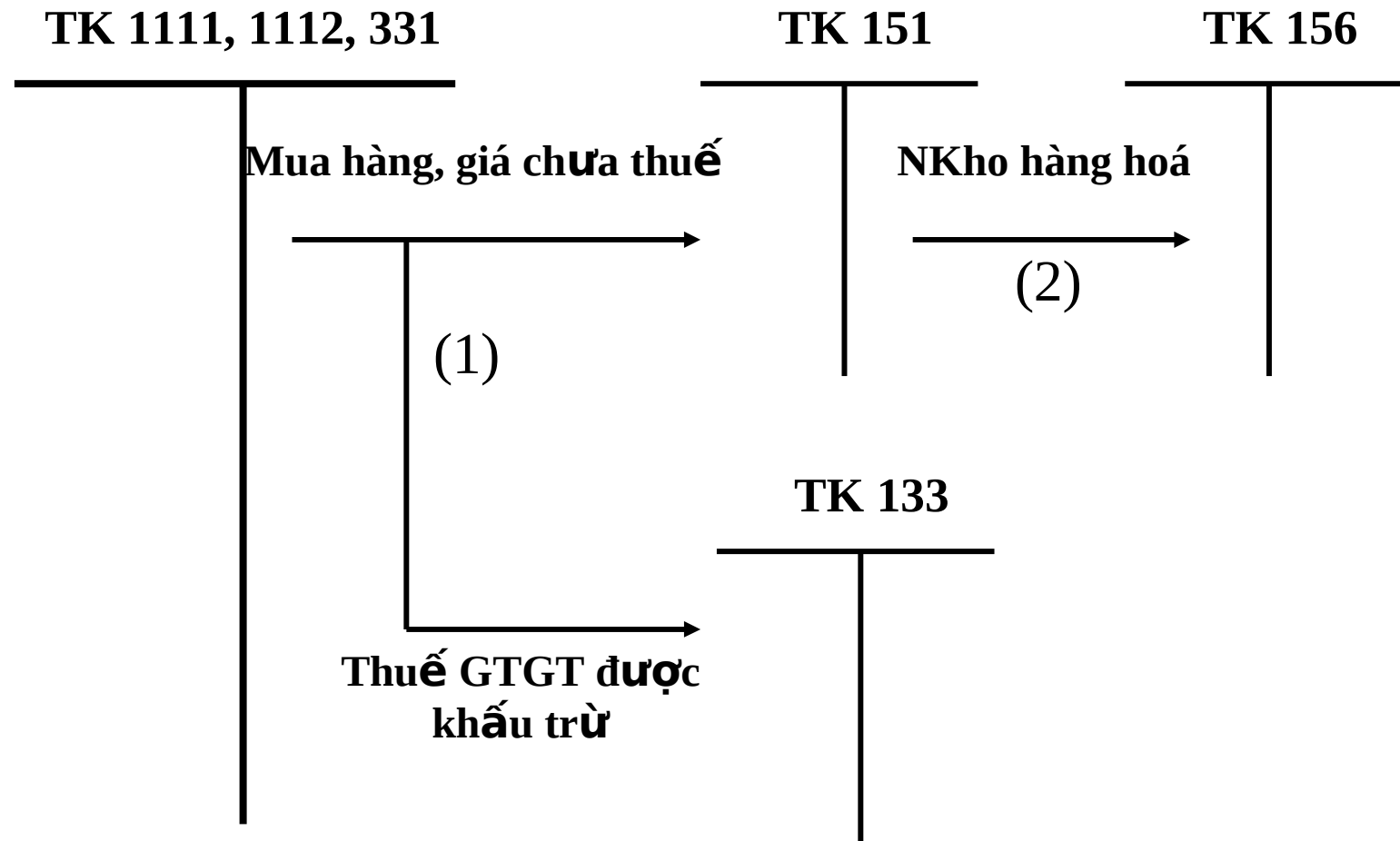
# Kế toán thu mua hàng hoá XK

## Thu gom hàng hoá



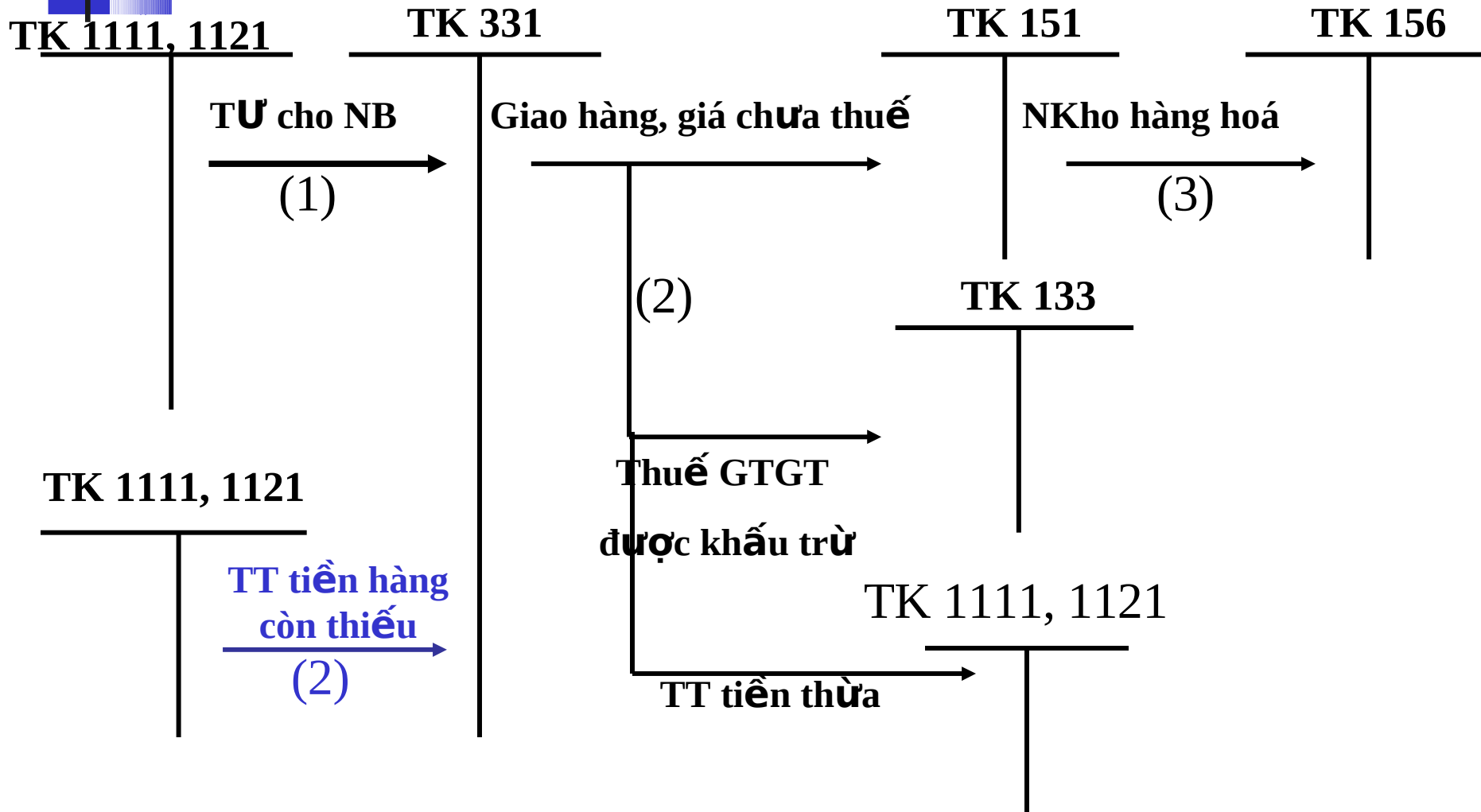
# Kế toán thu mua hàng hoá XK

Mua hàng trực tiếp từ cơ sở SX KD có hoá đơn.



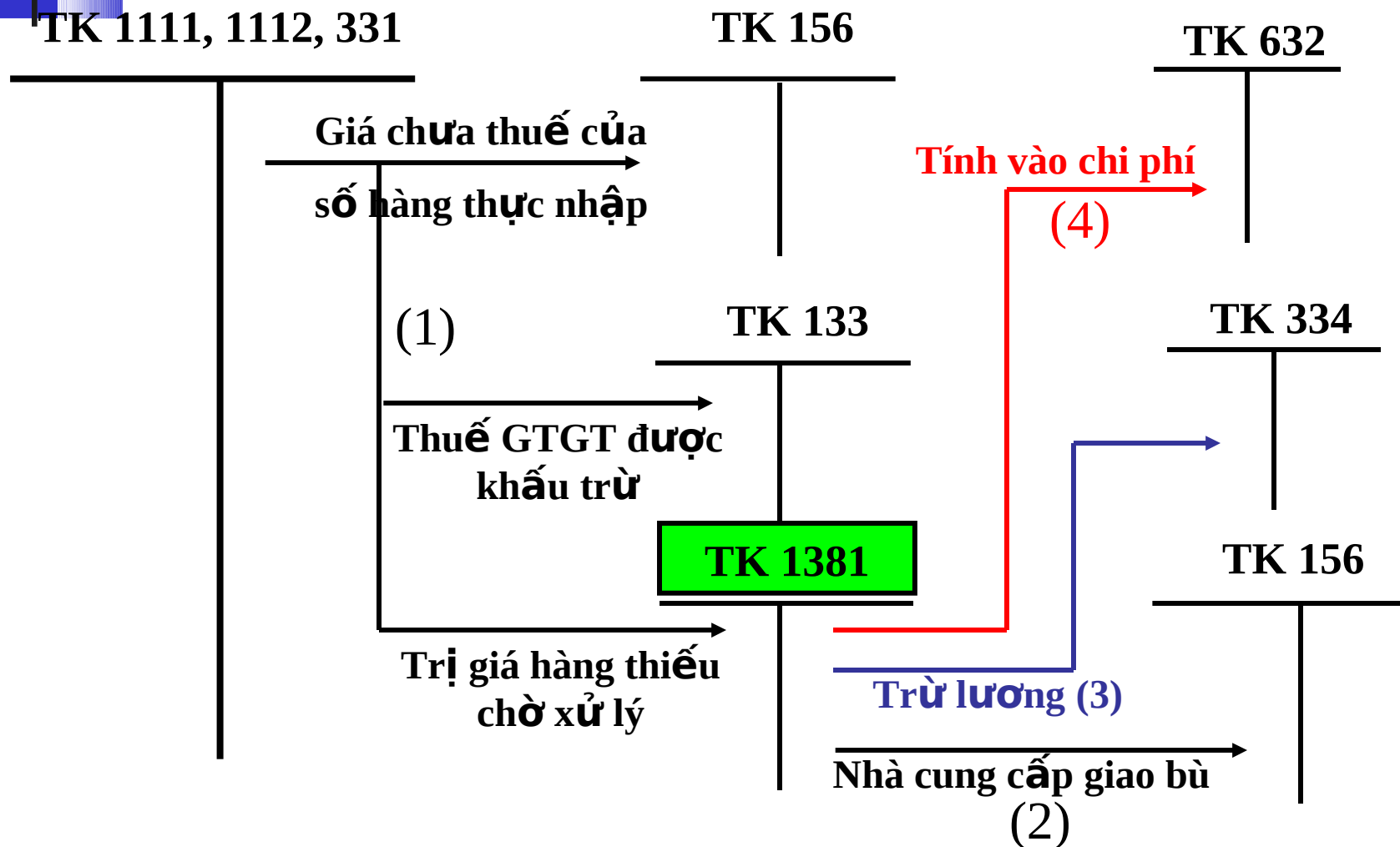
# Kế toán thu mua hàng hoá XK

## Đặt hàng



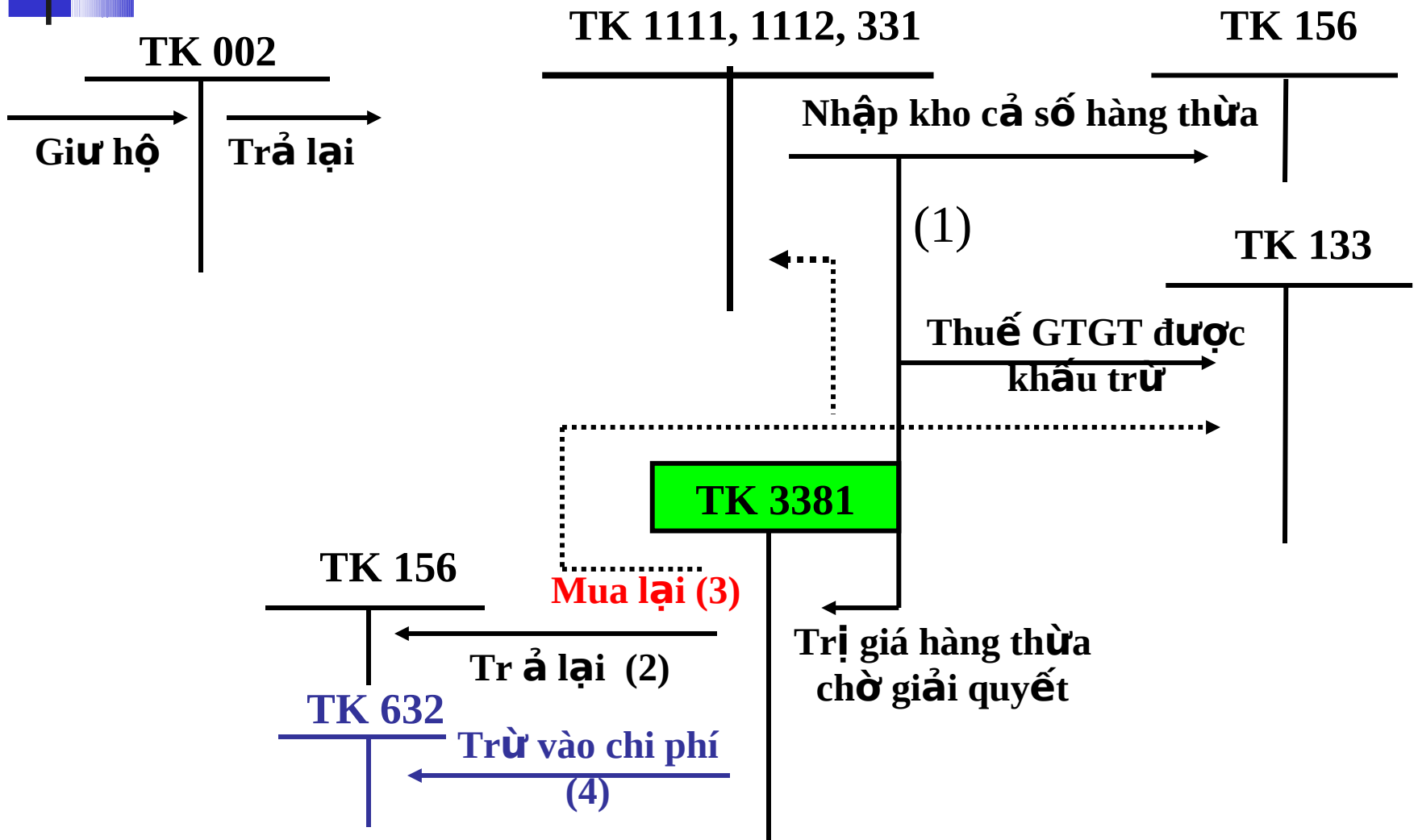
# Kế toán thu mua hàng hoá XK

## Mua hàng trực tiếp – trường hợp thiếu hàng



# Kế toán thu mua hàng hoá XK

## Mua hàng trực tiếp – trường hợp thừa hàng





## 6. Kế toán xuất khẩu hàng hoá

---

### a. Hàng hoá xuất khẩu:

- Hàng hoá, dịch vụ bán theo hợp đồng mua bán ngoại thương.
- Hàng triển lãm, hội chợ sau đó bán, thu ngoại tệ.
- Hàng viện trợ theo hiệp định, nghị định thư giao cho doanh nghiệp XNK thực hiện.
- Hàng bán cho người nước ngoài, thanh toán bằng ngoại tệ.
- NVL cung cấp cho các công trình thiết bị toàn bộ theo yêu cầu của nhà thầu nước ngoài.
- Dịch vụ sửa chữa tàu biển, máy bay cho nước ngoài, thanh toán bằng ngoại tệ.



# Kế toán xuất khẩu hàng hoá

---

## b. Thời điểm bán hàng, ghi nhận doanh thu

Khi đã giao hàng và khách hàng đã chấp nhận thanh toán:

Thời điểm giao hàng (theo ĐK FOB, CIF)

- **Đường biển:** ngày ký vận đơn và hải quan cảng biển xác nhận hoàn thành thủ tục hải quan
- **Đường sắt, đường bộ:** ngày hàng rời biên giới theo xác nhận của hải quan cửa khẩu.
- **Đường không:** ngày cơ quan hàng không ký chứng từ vận chuyển và hải quan xác nhận hoàn thành thủ tục hải quan.
- **Hàng triển lãm, hội chợ:** khi hoàn thành thủ tục mua bán.
- **Các dịch vụ:** khi hoàn thành các dịch vụ, xuất hoá đơn cho người mua.



# Chứng từ sử dụng

---

- Hoá đơn thương mại (Commercial Invoice).
- Vận đơn đường biển (Bill of Lading - B/L) hoặc đường hàng không (Bill of air - B/A).
- Chứng từ bảo hiểm, có thể là đơn bảo hiểm (Insurance Policy) hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm (Insurance Certificate).
- Giấy chứng nhận phẩm chất (Certificate of Quality).





# Chứng từ sử dụng

---

- Giấy chứng nhận xuất xứ (Certificate of Original).
- Giấy chứng nhận kiểm dịch đối với hàng hoá nông sản, thực phẩm.
- Phiếu đóng gói (Packing list).
- Một số các chứng từ cần thiết khác như hồi phiếu, tờ khai hải quan, biên lai thuế và phí các loại,...
- Phiếu thu, phiếu chi.
- Hoá đơn thuế GTGT...

# Kế toán xuất khẩu hàng hoá

4.

## Các phương thức xuất khẩu hàng hóa:

---

- a. **Phương thức xuất khẩu trực tiếp:** DN trực tiếp ký kết và thực hiện hợp đồng xuất khẩu hàng hoá với người mua nước ngoài.
  
- b. **Phương thức xuất khẩu uỷ thác:** DN ký hợp đồng uỷ thác xuất khẩu hàng hoá với 1 DN khác trong nước, không trực tiếp tiến hành giao dịch với người mua nước ngoài. áp dụng trong trường hợp DN có hàng xuất khẩu nhưng chưa có điều kiện trực tiếp bán hàng ra thị trường nước ngoài (chưa có kinh nghiệm đàm phán, giao dịch với người mua nước ngoài, thu xếp vận chuyển, làm thủ tục thông quan cho hàng hoá v.v.)



# Kế toán xuất khẩu trực tiếp

---

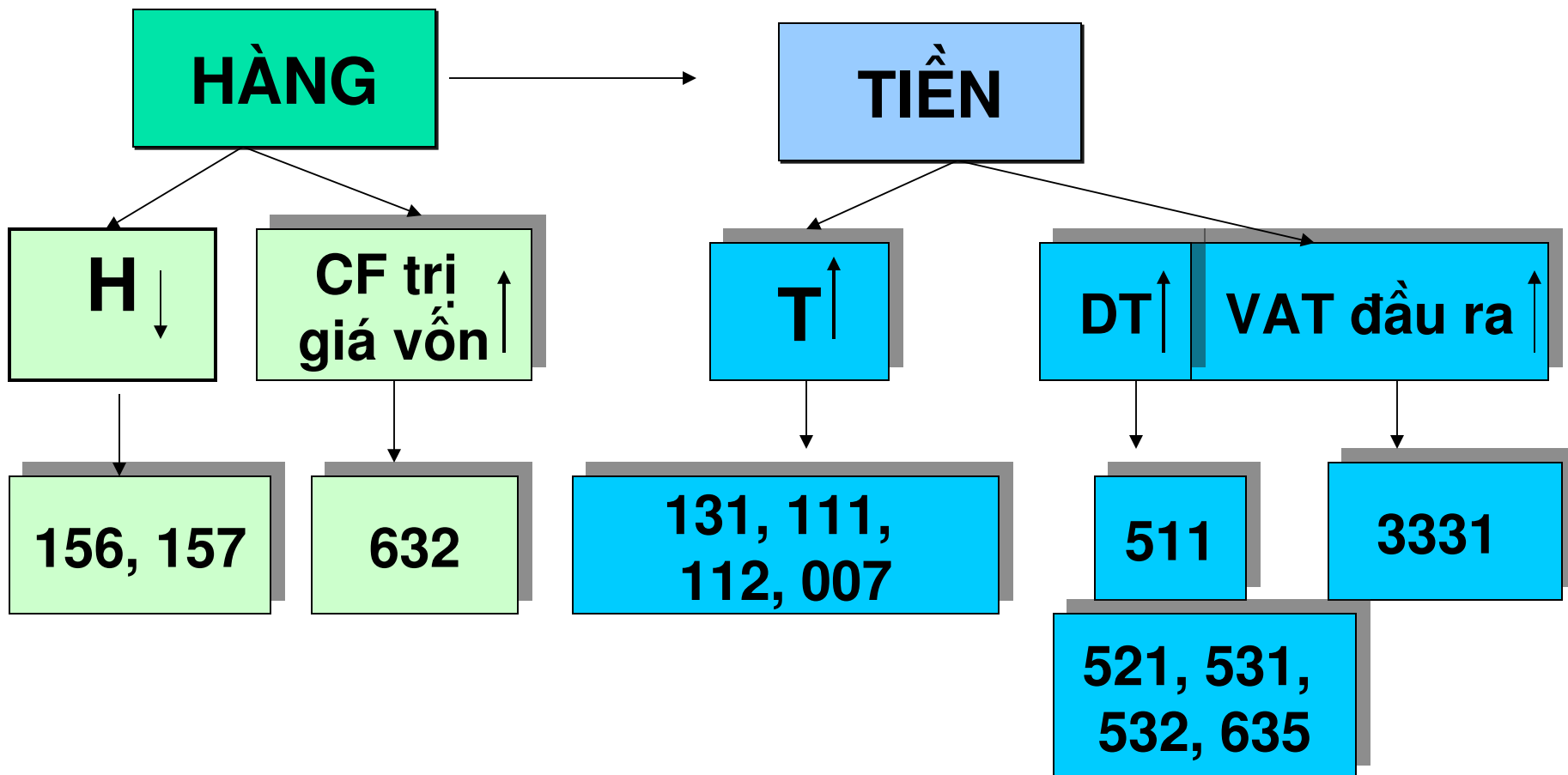


# Trình tự Xuất khẩu trực tiếp

---

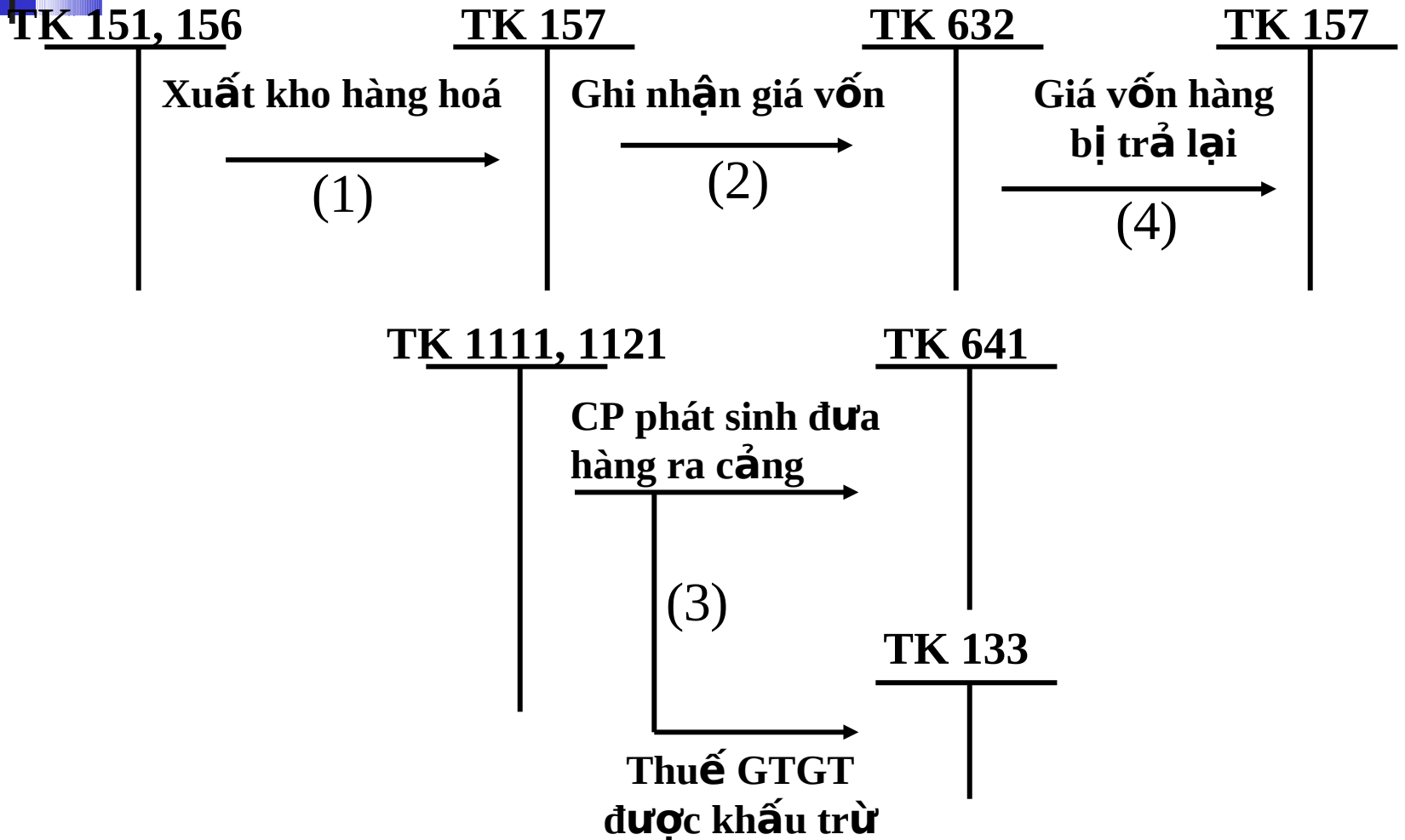
- Ký kết hợp đồng ngoại thương với người mua nước ngoài.
- Yêu cầu bên NK mở L/C. Khi nhận được giấy báo mở L/C, tiến hành kiểm tra L/C (đối chiếu L/C với hợp đồng ngoại thương)
- Xin giấy phép XK lô hàng (nếu cần)
- Thu xếp phương tiện vận tải.
- Lập hoá đơn thương mại và bảng kê chi tiết đóng gói.
- Xin hoá đơn lãnh sự, giấy chứng nhận xuất xứ
- Chuyển hàng ra cảng chờ làm thủ tục bốc hàng lên tàu.
- Tiến hành các thủ tục thông quan cho hàng hoá.
- Lập bộ chứng từ thanh toán và xuất trình cho ngân hàng để được thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán.
- Nhận tiền hàng từ người nhập khẩu.

# Tài khoản sử dụng



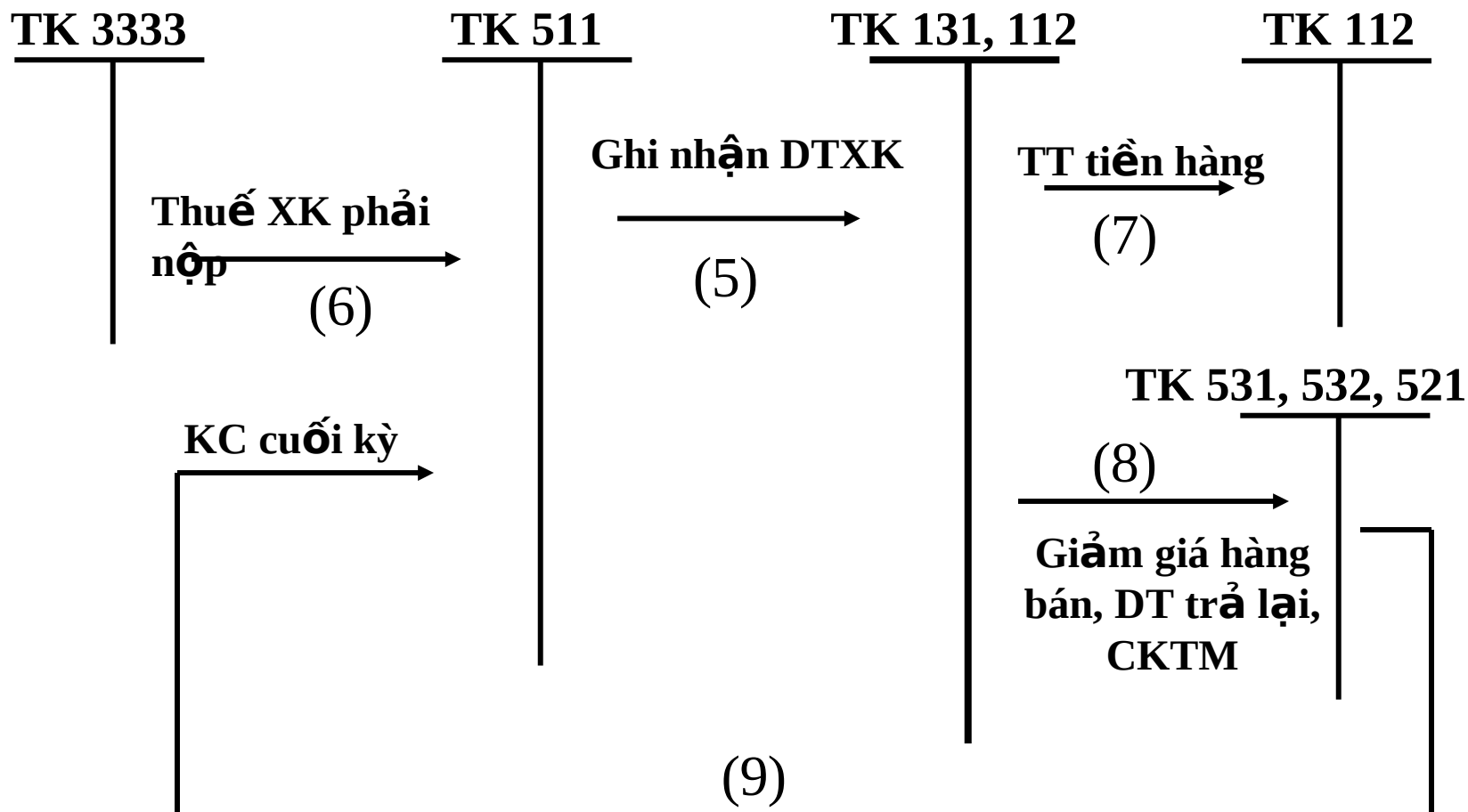
# Xuất khẩu trực tiếp

## Ghi nhận chi phí phát sinh trong quá trình XK



# Xuất khẩu trực tiếp

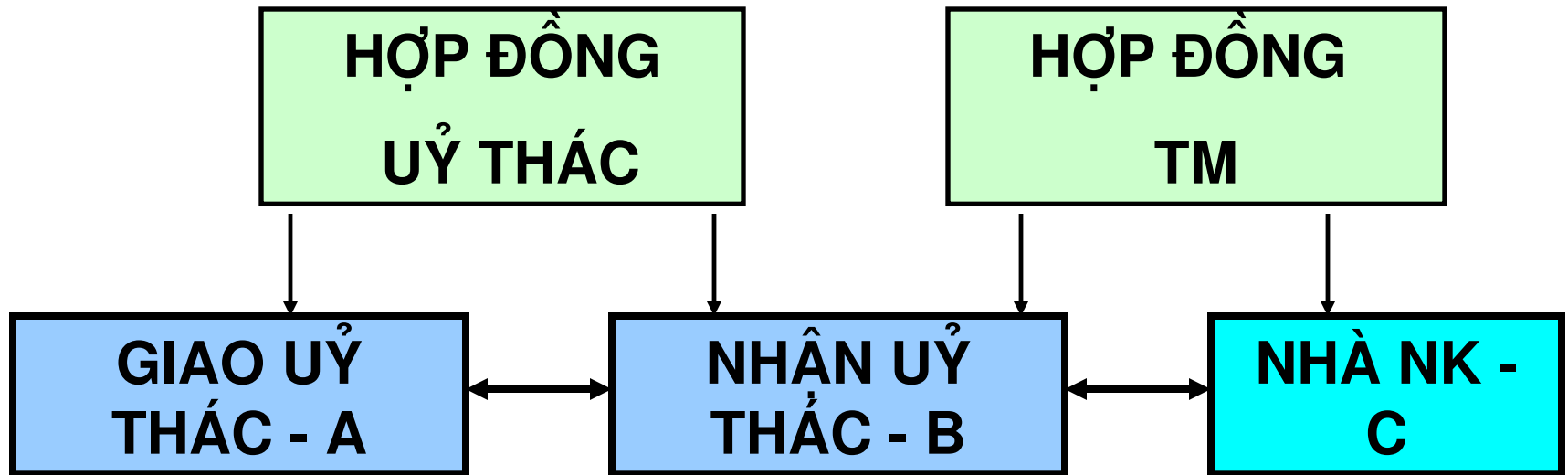
## Ghi nhận Doanh thu hàng XK





# Kê toán XK uỷ thác

---





# Xuất khẩu uỷ thác

■ **Cơ sở pháp lý đối với kế toán nghiệp vụ xuất khẩu uỷ thác: Thông tư 108/2001/TT-BTC ngày 31/12/2001**

---

- **Đối với hàng hoá uỷ thác xuất khẩu:** Bên uỷ thác XK được coi như người bán hàng, bên nhận uỷ thác XK được coi như người mua hàng.
- **Đối với các khoản chi phí** mà bên nhận uỷ thác chi như chi phí vận chuyển, bốc dỡ, thuế XK v.v. liên quan đến hàng uỷ thác, bên nhận uỷ thác coi như chi hộ bên uỷ thác
- **Đối với dịch vụ xuất khẩu uỷ thác:** Bên nhận uỷ thác XK được coi là người cung cấp dịch vụ và bên uỷ thác được coi là người mua dịch vụ.



# Xuất khẩu uỷ thác

---

## ■ Đối với bên uỷ thác xuất khẩu (A)

- Ký kết hợp đồng uỷ thác xuất khẩu
- Cung cấp hàng hoá mẫu và mọi tài liệu liên quan đến hàng hoá để đơn vị nhận uỷ thác chào hàng.
- Xuất hàng giao cho cơ sở nhận uỷ thác
- Thanh toán các khoản chi phí và thuế mà bên nhận uỷ thác chi hộ.
- Trả phí uỷ thác và nhận tiền hàng.



# Xuất khẩu uỷ thác

---

- **Đối với bên nhận uỷ thác xuất khẩu B :**
  - Ký kết hợp đồng uỷ thác xuất khẩu
  - Ký kết hợp đồng ngoại thương với người mua nước ngoài.
  - Nhận hàng về để xuất khẩu
  - Tiến hành các thủ tục để XK hàng hoá và chi hộ các khoản chi phí cho bên uỷ thác XK.
  - Xuất khẩu hàng hoá và thanh toán với người mua nước ngoài.
  - Thanh quyết toán tiền hàng, hoa hồng được hưởng và các khoản chi hộ bên uỷ thác.



# Xuất khẩu uỷ thác – Tài khoản

---

## Đối với bên uỷ thác xuất khẩu (A)

- Tài khoản 131” Phải thu khách hàng” dựng để phản ánh số phải thu về tiền hàng mà đơn vị nhận uỷ thác xuất khẩu phải hoàn trả lại cho doanh nghiệp.
- Tài khoản 338” Phải trả, phải nộp khác” dựng để phản ánh số tiền phải trả cho đơn vị nhận uỷ thác xuất khẩu về các khoản sau:
  - Các khoản thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) mà đơn vị nhận uỷ thác xuất khẩu đó nộp hộ.
  - Các khoản phí liên quan đến uỷ thác xuất khẩu mà đơn vị nhận xuất khẩu uỷ thác đó chi hộ.
  - Phí uỷ thác xuất khẩu.



# Xuất khẩu uỷ thác – Tài khoản

---

## ■ Đối với bên nhận uỷ thác xuất khẩu (B)

- **Tài khoản 331 “ Phải trả cho người bán” dựng để phản ỏnh:**
  - Tiền hàng thu hộ phải hoàn trả cho đơn vị uỷ thác xuất khẩu .
  - Cỏc khoản thuế xuất khẩu , thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu cú) phải nộp thay cho đơn vị uỷ thác xuất khẩu.
- **Tài khoản 131 “ Phải thu của khách hàng” dựng để phản ỏnh số phớ uỷ thác xuất khẩu phải thu của đơn vị uỷ thác xuất khẩu.**
- **Tài khoản 138 “Phải thu khác” dựng để phản ỏnh cỏc khoản phớ liờn quan đến hoạt động uỷ thác xuất khẩu đó chỉ hộ cho đơn vị uỷ thác xuất khẩu.**

# Xuất khẩu uỷ thác

A: ghi nhận chi phí hàng xuất khẩu uỷ thác:

---

TK 151, 156

TK 157

TK 632

TK 157

Xuất kho hàng hoá



(1)

Ghi nhận giá vốn

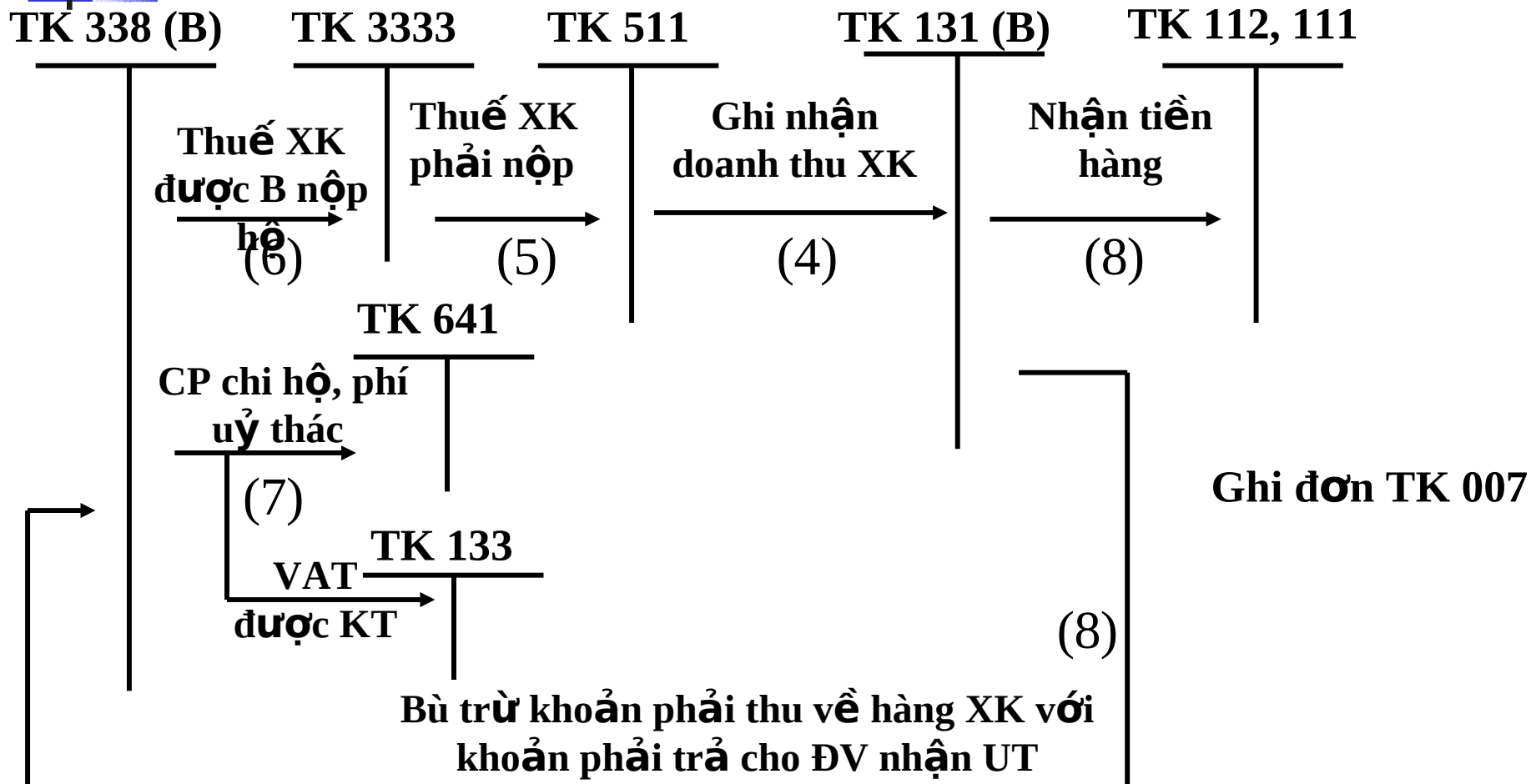


(2)

Giá vốn  
hàng bị trả  
lại  
(3)

# Xuất khẩu uỷ thác

- A: ghi nhận doanh thu xuất khẩu uỷ thác:





# Xuất khẩu uỷ thác

---

- **Đối với bên nhận uỷ thác xuất khẩu B :**
  - Ký kết hợp đồng uỷ thác xuất khẩu
  - Ký kết hợp đồng ngoại thương với người mua nước ngoài.
  - Nhận hàng về để xuất khẩu
  - Tiến hành các thủ tục để XK hàng hoá và chi hộ các khoản chi phí cho bên uỷ thác XK.
  - Xuất khẩu hàng hoá và thanh toán với người mua nước ngoài.
  - Thanh quyết toán tiền hàng, hoa hồng được hưởng và các khoản chi hộ bên uỷ thác.



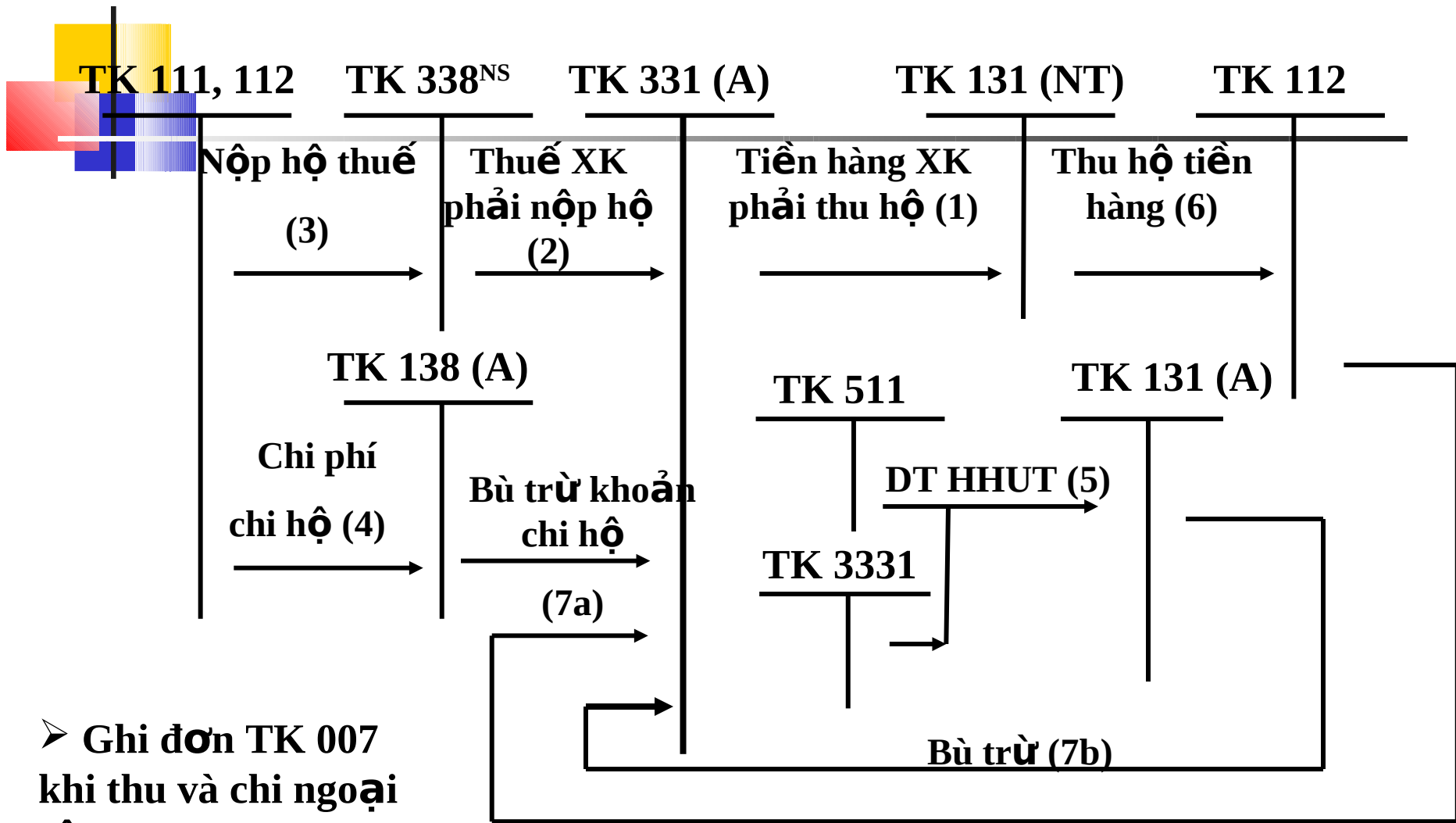


# Xuất khẩu uỷ thác

---

- Đối với bên nhận uỷ thác xuất khẩu B:  
Khi nhận hàng của đơn vị uỷ thác xuất khẩu:  
Nợ TK 003: Giá trị hàng ghi theo giá bán.
- Khi hàng đã được coi là xuất khẩu:  
Có TK 003: Giá trị hàng ghi theo giá bán.

# Đối với bên nhận uỷ thác xuất khẩu B :



➤ Ghi đơn TK 007 khi thu và chi ngoại tệ

➤ Ghi đơn TK 003

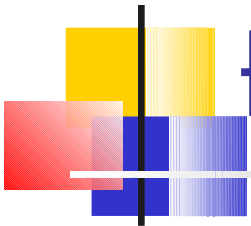
Chuyển trả tiền hàng sau khi đã trừ chi phí uỷ thác và các khoản chi hộ : (7)



# Bài tập ví dụ

---

- Ngày 2/3, CT X xuất kho một lô hàng có trị giá 360 triệu cho CT Y để nhờ xuất khẩu hộ.
- Ngày 5/3, CT Y thông báo hàng đã sắp xếp lên tàu, hoàn thành các thủ tục hải quan, bên mua đã chấp nhận thanh toán với giá bán là 30.000 USD, thuế XK là 20% trên doanh thu, TGTT: 16000đ/USD.
- Ngày 9/3, CT X chuyển TGNH cho CT Y để nộp thuế hộ.
- Ngày 11/3: CT Y nộp thuế và đã chuyển trả biên lai thu thuế.
- Ngày 17/03, nhà nhập khẩu chuyển tiền cho CT Y.
- Ngày 20/03, công ty Y chuyển trả tiền cho CT X sau khi giữ lại phần hoa hồng là 4% trên giá bán, VAT 10%.



# Định khoản

**CT X**

**CT Y**

**2/3**

**N 157      360**  
**C 156      360**

**N 003      360**

**5/3**

**N 131 Y      480**  
**C 511      480**

**N 131 Z      480**  
**C 331      480**

**N 511      96**  
**C 3333      96**

**N 331 X      96**  
**C 338ns      96**

# Định khoản

CT X

9/3

N 338 Y 96  
C 111 96

11/3

N 3333 96  
C 338 Y 96

17/3

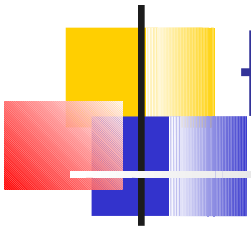
CT Y

N 111 96  
C 138 X 96

N 338NS 96  
C 111 96

N 112 480  
C 131 Z 480

N 007 30.000 USD



# Định khoản

**CT X**

**20/3**

**N 112      458,88**  
**C 131 Y      458,88**

**N 007: 28.680 USD**

**N 641      19,2**  
**N 133      1,92**  
**C 138 Y      21,12**

**CT Y**

**N 338 X      458,88**  
**C 112      458,88**

**C 007: 28.680 USD**

**N 338X      21,12**  
**C 511      19,2**  
**C 3331      1,92**